

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG

-----□□□□-----

TIỂU LUẬN

**Đánh giá thực trạng áp dụng các quy định của
pháp luật đối với việc kiểm soát ô nhiễm môi
trường không khí ở Việt Nam**

MỞ ĐẦU

Trái đất của chúng ta được bao bọc bởi tầng không khí và lên cao là tầng khí quyển. Đây là môi trường sống hiệu theo nghĩa trực tiếp nhất, nghĩa là con người, sinh vật phải hô hấp để tồn tại. Thực vật thì phải trao đổi khí ôxi. Với các hoạt động để duy trì đời sống, loài người đang từng giờ từng phút thải vào môi trường không khí các khí độc, bụi ... Quá trình phát triển công nghiệp từ thế kỷ XVII đến nay, đặc biệt từ thế kỷ XX đã phá huỷ, gây tổn hại quá nặng nề đến các thành phần của môi trường . Vì thế, sang thế kỷ XXI này, việc bảo vệ các thành phần của môi trường đang đặt ra cấp bách đối với toàn thể nhân loại. Nếu không làm được việc đó chúng ta sẽ đứng trước nguy cơ huỷ diệt

Việt Nam đang trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Cùng với những thành tựu to lớn về các mặt của đời sống thì nước ta đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng

Để phục vụ cho nhu cầu phát triển, chúng ta đã tiến hành hàng loạt các hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường như: xây dựng các công trình, nhà cửa, nhà máy, các khu công nghiệp; khai thác tài nguyên làm nguyên liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu. Những hoạt động này đã gây ra những tác động tiêu cực cho môi trường nói chung và không khí nói riêng. Vì vậy, nhiệm vụ cấp bách của chúng ta là phải cứu lấy môi trường. Nó đã trở thành một trong những chính sách quan trọng của Đảng và Nhà nước ta, trong đó pháp luật đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Để kiểm soát ô nhiễm không khí, Nhà nước đã ban hành hệ thống pháp luật nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu tình trạng ô nhiễm không khí và tiến tới cải thiện chất lượng không khí .

“Đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về việc kiểm soát ô nhiễm không khí tại Việt Nam”

KHÁI QUÁT CHUNG

1. Khái niệm không khí và ô nhiễm không khí

- Không khí là một hỗn hợp khí gồm có khí nitơ chiếm 78,9%, oxi chiếm 0,95%, acgon chiếm 0,93%, đioxit cacbon chiếm 0,32% và một số hiếm khí khác như nêôn, hêli, mêtan, kripton. Trong điều kiện bình thường của độ ẩm tuyệt đối, hơi nước chiếm gần 1-3% thể tích không khí

- Dưới góc độ pháp lý, ô nhiễm không khí là sự thay đổi tính chất không khí, vi phạm tiêu chuẩn không khí mà pháp luật đã quy định. Nói cách khác, ô nhiễm không khí là tình trạng không khí có xuất hiện một số chất lạ hoặc một sự biến đổi quan trọng trong thành phần không khí làm thay đổi tính chất lý hoá vốn có của nó và sự thay đổi này vi phạm tiêu chuẩn môi trường do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành gây tác động có hại cho con người và thiên nhiên

Ô nhiễm không khí không phải là vấn đề mới được phát hiện. Nó đã được đề cập đến cách đây hàng thế kỷ, song mãi đến thế kỷ XX, đặc biệt là một số thập kỷ gần đây con người mới bắt đầu quan tâm hơn đến nó và đưa ra các biện pháp để phòng ngừa, kiểm soát nhằm làm trong sạch và tạo một môi trường sống an toàn

2. Hiện trạng ô nhiễm không khí ở Việt Nam

Trên thế giới hiện nay, loài người bắt đầu phải gánh chịu những thảm hoạ khủng khiếp do không khí gây ra. Trái đất đang nóng dần lên do các hoạt động của con người đã thải quá nhiều khí CO_2 , SO_2 , NO_2 , ... rồi hiện tượng hiệu ứng nhà kính xảy ra, mưa axit, nhiều lỗ thủng tầng ôzôn xuất hiện ... Tất cả các thảm hoạ đó đều có nguyên nhân là do các hoạt động của con người

Việt Nam là một bộ phận của thế giới nên cũng chịu những tác động chung đó. Hơn nữa, nước ta đang phát triển, quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá tăng nhanh khiến không khí nước ta ngày càng bị ô nhiễm nặng hơn, nhất là ở các khu

đô thị, khu công nghiệp và các làng nghề. Có thể điểm qua một số vấn đề nổi cộm về ô nhiễm không khí ở nước ta như sau :

2.1. Ô nhiễm bụi

Theo số liệu quan trắc và phân tích cho thấy: Ở hầu hết các đô thị nước ta đều bị ô nhiễm bụi, có những nơi tới mức báo động, điển hình là các khu dân cư cạnh đường giao thông lớn, ở gần các nhà máy, xí nghiệp. Chỉ có những nơi xa thành phố, khu công nghiệp, xa đường giao thông thì nồng độ bụi trong không khí mới ở mức dưới hoặc xấp xỉ tiêu chuẩn cho phép. Nồng độ bụi trong các khu dân cư cạnh các nhà máy, xí nghiệp hoặc gần đường giao thông lớn đều vượt trị số tiêu chuẩn cho phép từ 1,5 đến 3 lần. Ở những nơi diễn ra việc xây dựng nhà cửa, đường sá thì nồng độ này vượt tiêu chuẩn cho phép từ 10 đến 20 lần. Ví dụ, nồng độ bụi ở một số nơi bị ô nhiễm tương đối nặng như: Vĩnh Yên ($0,7-1,23 \text{ mg/m}^3$), Phúc Yên ($0,99-1,33 \text{ mg/m}^3$), thị trấn Hoà Mạc – Hà Nam ($1,31 \text{ mg/m}^3$). Trong hoạt động công nghiệp khai thác than như ở Quảng Ninh đã thải ra lượng bụi dao động từ $10 - 200 \text{ mg/m}^3$ (Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2005)

2.2. Ô nhiễm khí

Tình trạng ô nhiễm khí SO_2 , NO_2 và CO cũng đang diễn ra ở nước ta. Ở các điểm quan trắc như khu công nghiệp Như Quỳnh (Hà Nội), đường Phùng Hưng (Hà Đông), đường Điện Biên Phủ (Hải Dươn), khu dân cư Lý Quốc Sư (Hà Nội), nồng độ SO_2 lại lớn hơn tiêu chuẩn cho phép. Khu vực gần nhà máy bia Hà Đông, bến xe thành phố Hà Đông, phố Ngô Gia Tự (Bắc Ninh) có giá trị NO_2 lớn hơn hoặc xấp xỉ bằng tiêu chuẩn. Ở các nút giao thông chính và gần một số khu công nghiệp, một số xí nghiệp nung gạch ngói, nồng độ các khí này đã xấp xỉ hoặc lớn hơn trị số tiêu chuẩn cho phép, có chỗ tới 2 đến 3 lần. Ô nhiễm không khí cũng tập trung tại các làng nghề sản xuất vật liệu xây dựng, gốm, sứ, nhựa ... ước tính tải lượng ô nhiễm không khí do đốt than để nung vôi, nung gốm, sứ từ hàng trăm lò thủ công lên tới hàng triệu m^3 khí độc. Dân cư làng nghề vắcc xã khác đều phải

sống chung với khói bụi, hơi nóng và khí thải độc hại của các làng nghề này. Ví dụ như làng nghề sản xuất gốm Bát Tràng, làng nghề gốm Xuân Quang (Hưng Yên), làng nung vôi Đôn Tân (Thanh Hoá), Kiên Khê (Hà Nam) ...

Ô nhiễm khí SO_2 , NO_2 trong không khí là nguyên nhân chính gây ra mưa axit

2.3. Ô nhiễm mùi

Ô nhiễm mùi thường xảy ra ở hai bên bờ kênh rạch thoát nước trong đô thị do sự thối rữa các chất hữu cơ, vi sinh vật và rác thải tạo ra các khí ô nhiễm như H_2S , NH_3 , CH_4 ... Ô nhiễm mùi hôi tanh ở một số vùng đô thị ven biển có cảng cá và cơ sở chế biến hải sản, giết mổ gia súc. Ô nhiễm mùi hôi hoá chất ở gần các xí nghiệp chế biến mủ cao su, nhà máy chế biến phân hoá học. Và mùi khói thuốc lá thì có mặt ở khắp mọi nơi và cả ở những nơi cấm hút thuốc như bệnh viện, trường học ...

2.4. Ô nhiễm tiếng ồn

Quá trình đô thị hoá tăng lên, số lượng các phương tiện giao thông vận tải tăng theo, hoạt động xây dựng sản xuất là những nguyên nhân cơ bản gây ra ô nhiễm tiếng ồn, đặc biệt là ở các thành phố lớn.

Ngoài ra các thành phần khác của không khí như: độ rung, ánh sáng, bức xạ cũng đang bị ô nhiễm, gây ảnh hưởng đến sức khoẻ con người

Hậu quả:

Sự ô nhiễm không khí đã chỉ cho con người thấy rõ khả năng tự làm sạch của môi trường đã bị quá tải và suy giảm, ngày càng ảnh hưởng xấu đến sự cân bằng sinh thái và sức khoẻ con người

Đối với sức khoẻ con người: Mỗi năm có 626 người chết, 1547 người mắc bệnh liên quan đến đường hô hấp. Tỷ lệ mắc các bệnh về tai, mũi, họng tỷ lệ thuận với thời gian sống ở các đô thị (nếu sống trên 10 năm thì tỷ lệ đó là 24,5%, nếu sống trên 3 năm thì tỷ lệ đó là 12,5%). Tuổi thọ dân cư sống trong không khí bị ô

nhễm nhìn chung giảm xuống. Cuộc sống hằng ngày của con người cũng bị ảnh hưởng bởi mùi, tiếng ồn và bụi.

Đối với sinh vật: không khí bị ô nhiễm sẽ làm giảm chức năng sinh lý và sinh sôi của động thực vật.

Đối với kinh tế: Do sức khoẻ con người, đặc biệt là người lao động bị giảm sút nên ảnh hưởng tới năng suất và chất lượng của hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí xã hội và chi phí cho việc khắc phục hậu quả tăng lên

3. Nguyên nhân của ô nhiễm không khí

Có thể thấy, tình trạng ô nhiễm không khí ở nước ta đang trở thành vấn đề bức bách. Muốn khắc phục được thực trạng đó ta phải tìm được nguyên nhân gây ra ô nhiễm. Có rất nhiều nguồn gây ô nhiễm không khí, nhưng nhìn chung các nguồn này được phân thành nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc nhân tạo

3.1. Nguồn gốc tự nhiên

Vào mùa khô thường xảy ra các đám cháy rừng lan truyền rộng và phát thải nhiều bụi, khí; những cơn bão bụi; các quá trình phân huỷ, thổi rửa xác động thực vật ... Tất cả các nhân tố tự nhiên này đều gây nên ô nhiễm không khí

3.2. Nguồn gốc nhân tạo

Hoạt động của con người gây ra ô nhiễm không khí rất đa dạng, nhưng chủ yếu là do một số hoạt động sau :

***Hoạt động công nghiệp**

Nước ta còn nhiều cơ sở công nghiệp cũ với công nghệ sản xuất lạc hậu và hầu như các cơ sở này đều thiếu thiết bị xử lý khí thải độc hại. Bên cạnh đó hầu hết các cơ sở công nghiệp cũ lại được bố trí rất phân tán, khi quá trình đô thị hoá diễn ra, phạm vi các thành phố ngày càng mở rộng nên phần lớn các khu công nghiệp cũ đều nằm trong nội thành làm cho mức độ ô nhiễm không khí ngày càng gia tăng

Công nghiệp mới nước ta đã và đang phát triển với tốc độ khá nhanh. Trước khi xây dựng các dự án đều đã tiến hành hoạt động đánh giá tác động môi trường ,

tuy nhiên khi đi vào hoạt động còn nhiều xí nghiệp chưa xử lý triệt để các khí thải độc hại nên đã gây ô nhiễm không khí xung quanh

Ngoài ra một nguyên nhân nữa là ô nhiễm không khí từ các làng nghề thủ công như làng nghề sản xuất gốm, nung gạch ngói, tái chế ni lông ...

***Hoạt động giao thông vận tải**

Các phương tiện giao thông ở nước ta đang tăng lên, đặc biệt là ở các đô thị. Nguồn thải từ giao thông vận tải như xả bụi, khói, tiếng ồn đã trở thành một nguồn gây ô nhiễm chính đối với môi trường không khí đô thị. Theo đánh giá của chuyên gia môi trường, ô nhiễm không khí ở các đô thị do giao thông vận tải gây ra chiếm tỷ lệ khoảng 70%. Không những thế, xe cộ tăng lên còn gây ra tắc nghẽn giao thông, khi tắc nghẽn mức độ ô nhiễm hơi xăng dầu có thể tăng lên 4 – 5 lần so với mức bình thường

***Hoạt động xây dựng**

Hoạt động xây dựng nhà cửa, đường sá, cầu cống ... hiện đang diễn ra ở khắp mọi nơi. Các hoạt động như đào lấp, đập phá công trình cũ, quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng bị rơi vãi thường gây ra ô nhiễm bụi rất trầm trọng đối với môi trường không khí xung quanh. Nồng độ bụi ở nơi có hoạt động xây dựng đang diễn ra lớn hơn tiêu chuẩn cho phép từ 10 – 20 lần. Ngoài ra, hoạt động này còn gây tiếng ồn và độ rung rất lớn

***Hoạt động sinh hoạt đun nấu của nhân dân**

Ngày nay, ở thành thị vẫn còn khá lớn gia đình đun nấu bằng than, ở nông thôn còn đun nấu bằng củi, rơm, cỏ ... Đây chính là nguyên nhân chính gây ô nhiễm không khí trong nhà, ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe người dân

NỘI DUNG PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ

Trên cơ sở thực trạng ô nhiễm môi trường không khí nói trên, pháp luật nước ta đã điều chỉnh để kiểm soát ô nhiễm không khí, tạo môi trường không khí khá an lành cho dân sinh sống

Kiểm soát ô nhiễm không khí là hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức, cá nhân để bảo vệ môi trường không khí khỏi những tác động bất lợi của con người và những tác động bất thường của thiên nhiên.

Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí điều chỉnh những hoạt động sau:

1. Pháp luật về hệ thống tiêu chuẩn môi trường không khí

Điều 3 - Luật Bảo vệ môi trường 2005 định nghĩa: “Tiêu chuẩn môi trường là giới hạn cho phép của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, về hàm lượng của chất gây ô nhiễm trong chất thải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định làm căn cứ để quản lý và bảo vệ môi trường

Đối với môi trường không khí, những chuẩn mực, giới hạn này có thể được hiểu là mức độ hoặc phạm vi các chất ô nhiễm nhất định trong thành phần môi trường đó. Những thông số giới hạn ấy được Nhà nước sử dụng để kiểm soát ô nhiễm không khí, đánh giá hiện trạng không khí hay dự báo các diễn biến môi trường không khí trong tương lai ...

*Ý nghĩa của tiêu chuẩn môi trường không khí:

- Vừa là công cụ kỹ thuật, vừa là công cụ pháp lý giúp Nhà nước quản lý môi trường không khí một cách có hiệu quả

- Trên tiêu chuẩn môi trường không khí, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định được một cách chính xác chất lượng không khí, đánh giá đúng thực trạng ô nhiễm và mức độ ô nhiễm so với giới hạn cho phép đã được xác định trong các tiêu chuẩn môi trường

- Là căn cứ để xác định hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân để từ đó các cơ quan Nhà nước có thể áp dụng các biện pháp xử lý thích hợp

- Thông qua tiêu chuẩn môi trường không khí, các tổ chức, cá nhân có thể xác định được quyền cơ bản của họ trong lĩnh vực môi trường là được sống trong một môi trường trong lành được đảm bảo ở mức độ nào

Mục A, Quyết định số 35/QĐ-BKHCNMT (25/06/2002) quy định các tiêu chuẩn liên quan đến chất lượng không khí chia làm 2 loại tiêu chuẩn : tiêu chuẩn chất lượng không khí và tiêu chuẩn thải khí

1) Tiêu chuẩn chất lượng môi trường không khí xung quanh

Đây là loại tiêu chuẩn được xây dựng nhằm đáp ứng các yêu cầu về quản lý chất lượng không khí

Các tiêu chuẩn chất lượng môi trường không khí hiện hành được xác lập trên cơ sở những kết quả nghiên cứu về vệ sinh y học nhằm bảo đảm cho chất lượng không khí ở mức tương đối trong sạch. Mức độ đó được đánh giá bằng nồng độ chất độc hại chứa trong một đơn vị thể tích không khí. Đơn vị đo thông dụng là trọng lượng chất ô nhiễm chứa trong 1 m³ không khí (mg/m³)

Việt Nam có 2 tiêu chuẩn chất lượng môi trường không khí xung quanh: TCVN 5937-1995 và TCVN 5938-1995. Hai tiêu chuẩn này quy định một số nội dung chủ yếu sau:

- Quy định giá trị giới hạn các thông số cơ bản và nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại

- Được sử dụng để đánh giá chất lượng môi trường không khí xung quanh và giám sát tình trạng ô nhiễm không khí xung quanh và giám sát tình trạng ô nhiễm không khí

Như vậy, để đảm bảo được tính khả thi của các tiêu chuẩn môi trường không khí xung quanh, trong điều kiện kinh tế, xã hội và môi trường của Việt Nam hiện nay, chúng ta không thể đặt ra yêu cầu quá cao về chất lượng không khí như một số quốc gia trên thế giới. Nhưng với việc xác định nồng độ các chất gây ô nhiễm trong không khí xung quanh theo 2 tiêu chuẩn nêu trên thì cũng có nghĩa là Nhà nước vẫn kiểm soát được tình trạng ô nhiễm không khí trên phạm vi cả nước

2) Tiêu chuẩn thải khí

Khoản 3 Điều 10 Luật Bảo vệ môi trường 2005 quy định 2 nhóm tiêu chuẩn về khí thải. Đây là loại tiêu chuẩn được xây dựng để khống chế các chất thải khí được đưa vào môi trường trong các lĩnh vực khác nhau. Chúng chiếm phần lớn trong hệ thống tiêu chuẩn môi trường không khí hiện hành của Việt Nam (10/12 tiêu chuẩn). Các tiêu chuẩn thải khí hiện nay bao gồm :

a, Đối với nguồn thải tĩnh (chủ yếu đối với khí thải công nghiệp từ ống khói các nhà máy)

- Mục đích: Ngăn ngừa và giảm thiểu đến mức tối đa tình trạng gây ô nhiễm không khí từ các hoạt động công nghiệp

- Có 9 tiêu chuẩn thải khí đối với nguồn thải tĩnh. Các tiêu chuẩn quy định một số vấn đề cơ bản sau:

+ Được áp dụng để kiểm soát nồng độ các chất hữu cơ, vô cơ và bụi trong thành phần khí thải công nghiệp trước khi thải vào không khí xung quanh (không áp dụng đối với một số hoạt động sản xuất kinh doanh đặc thù)

+ Quy định các giới hạn cho phép khí thải công nghiệp có tính độc hại đối với mỗi loại nguồn gây ô nhiễm không khí

+ Quy định nồng độ tối đa cho phép của các chất vô cơ cũng như các chất hữu cơ trong khí thải công nghiệp khi thải vào môi trường xung quanh

b, Đối với nguồn thải động (khí thải từ các phương tiện giao thông)

Hệ thống tiêu chuẩn môi trường không khí Việt Nam hiện hành chỉ có duy nhất một tiêu chuẩn quy định về lĩnh vực này. Đó là TCVN 6438-2001. Tiêu chuẩn này quy định giới hạn tối đa cho phép của các chất gây ô nhiễm môi trường (CO, HC, khói) trong khí thải của động cơ sử dụng nhiên liệu xăng hoặc dầu lắp trên phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

Như vậy, thông qua việc áp dụng tiêu chuẩn này, Nhà nước sẽ kiểm soát và giảm thiểu được lượng khí thải độc hại thải vào không khí xung quanh từ các phương tiện giao thông , thông qua đó ngăn ngừa tình trạng gây ô nhiễm không khí

==> Tiêu chuẩn môi trường Việt Nam được ban hành lần đầu tiên năm 1995, sửa đổi bổ sung năm 2001 và hiện nay đang có tiêu chuẩn môi trường năm 2005. Điều đó đã đáp ứng được nhu cầu kiểm soát ô nhiễm với các thành phần không khí như : tiêu chuẩn môi trường xung quanh và tiêu chuẩn khí thải . Trong đó quy định về giới hạn cho phép của các thông số về các thành phần môi trường không khí như: bụi lơ lửng, tiếng ồn, khí SO₂, CO₂... Với điều kiện kinh tế xã hội ở Việt Nam thì tiêu chuẩn hiện nay là khá phù hợp

Trong tiêu chuẩn môi trường không khí đã phân loại các trị số khác nhau ở đô thị, nông thôn. Điều này rất hợp lý vì mỗi một vùng với vị trí địa lý khác nhau, với những hoạt động khác nhau (ví dụ khu công nghiệp hoặc nơi tham quan du lịch) thì yêu cầu về độ trong lành khác nhau nên tiêu chuẩn môi trường cũng khác nhau. Việc đó tạo điều kiện cho thực thi tiêu chuẩn môi trường có hiệu quả

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn có những hạn chế nhất định. Hiện nay, các văn bản để hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường , tiêu chuẩn môi trường còn ít và chưa cụ thể, vì thế rất khó khăn cho việc thực thi trong thực tế. Trong tiêu chuẩn môi trường dù đã khá phù hợp ở Việt Nam nhưng vẫn còn khoảng cách khá xa so

với khu vực và thế giới, yêu cầu phải xem xét và đưa ra tiêu chuẩn đáp ứng được yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế

2. Pháp luật về phòng chống, khắc phục ô nhiễm không khí, cải thiện chất lượng không khí

Đây là hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của các cơ quan Nhà nước cũng như của các tổ chức, cá nhân nhằm phòng ngừa những tác động tiêu cực mà hoạt động của con người có thể gây ra cho môi trường không khí, khắc phục những sự cố môi trường không khí để giảm thiểu những thiệt hại gây ra cho môi trường. Các hoạt động phòng chống, khắc phục ô nhiễm không khí bao gồm:

2.1. Hoạt động quan trắc và định kỳ đánh giá hiện trạng môi trường không khí của các cơ quan Nhà nước

“Quan trắc môi trường không khí” là hoạt động sử dụng hệ thống thiết bị kỹ thuật đặc biệt để thu thập các chỉ tiêu vật lý (tiếng ồn), chỉ tiêu hoá học (hàm lượng khói, bụi, khí độc hại...), xác định các nguồn gây ô nhiễm không khí, mức độ gây ô nhiễm không khí, sự lan truyền các chất gây ô nhiễm không khí...

=> Với chức năng đó, hệ thống quan trắc giúp các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường nắm được tính chất lượng không khí, dự báo những biến đổi của nó trong tương lai cũng như chủ động phòng, chống và loại trừ các nguyên nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường không khí. Dựa trên kết quả của hoạt động này để thực hiện việc định kỳ đánh giá hiện trạng môi trường không khí.

Theo quy định từ Điều 94 đến Điều 97 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005: quan trắc môi trường nói chung và môi trường không khí nói riêng là hoạt động được thực hiện bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND cấp Tỉnh và người quản lý, vận hành cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ.

Hiện nay, cả nước có khoảng 17 chiếc máy quan trắc không khí và môi trường (Hà Nội: 5, Hải Phòng: 2, TP Hồ Chí Minh: 9 và Đà Nẵng: 1). Được biết,

sắp tới sẽ đưa các máy quan trắc này giao cho các Sở Tài nguyên – Môi trường quản lý, còn Trung tâm Quan trắc và thông tin môi trường chỉ quản lý về số liệu chứ không quản lý cả hoạt động của tất cả các máy quan trắc như hiện nay. Hiện Trung tâm Quan trắc và thông tin môi trường đang làm thủ tục để chuyển các máy quan trắc (tại địa phương) cho Sở Tài nguyên môi trường và nhà đất Hà Nội

Các quy định của pháp luật về quan trắc môi trường đòi hỏi các chủ dự án lớn như trong Điều 18 Luật Bảo vệ môi trường 2005 và danh mục các lĩnh vực mà Chính phủ quy định thì phải lập báo cáo tác động môi trường một cách cụ thể. Trong đó có tác động đối với môi trường không khí khi dự án đó đi vào hoạt động. Nếu được phê duyệt thì các dự án đó mới được tiến hành trên thực tế. Điều này góp phần kiểm soát đối với những dự án mà ảnh hưởng của nó tới một vùng rộng lớn

Tuy nhiên, vấn đề quan trắc ô nhiễm không khí cũng đang gặp phải khó khăn, bởi hiện nay 5 trạm quan trắc tự động cố định trên địa bàn đang phải đặt ở độ cao hơn 10 m, trong khi quy định các trạm này phải đặt ngay trên mặt đất.

Mặc dù chúng ta đã có các chương trình quan trắc tại các điểm, nhưng vẫn chưa thống kê được nguồn thải nên chưa có câu trả lời chính xác về nguồn gây ô nhiễm. Tới đây, Hà Nội cần phải xác định cụ thể các nguồn gây ô nhiễm, xây dựng các chương trình quan trắc khoa học, hợp lý và đầy đủ

2.2. Hoạt động ĐTM

ĐTM là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động phát triển; được tiến hành bởi cả các cơ quan Nhà nước và cả tổ chức, cá nhân.

- Xét dưới góc độ bảo vệ môi trường không khí, theo cá quy định này, các chủ dự án phải lập báo cáo ĐTM với 3 nội dung cơ bản:

□ Phân tích hiện trạng môi trường không khí tại địa bàn hoạt động của dự án hoặc của cơ sở mình

□ Dự báo diễn biến môi trường không khí khi dự án đi vào hoạt động hoặc cơ sở tiếp tục hoạt động trên địa bàn đó

□ Kiến nghị các giải pháp thích hợp về bảo vệ môi trường không khí.

Thông qua hoạt động này, các chủ thể tiến hành sẽ phải dự liệu trước những tác động tiêu cực có thể gây ra cho không khí xung quanh, đồng thời dự tính trước các biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn chúng, thông qua đó thực hiện phòng ngừa ô nhiễm không khí, sự sô môi trường không khí.

- Từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường, ĐTM là hoạt động thẩm tra lại tính chính xác về khoa học cũng như pháp lý của báo cáo ĐTM. Đánh giá một cách đầy đủ và toàn diện những tác động ấy để tìm ra các giải pháp thích hợp hạn chế đến mức tối đa những ảnh hưởng xấu cho không khí là một đòi hỏi bức thiết để bảo vệ có hiệu quả thành phần môi trường quan trọng này. Kết quả thẩm định báo cáo ĐTM là một trong những cơ sở quan trọng để cơ quan có thẩm quyền xét duyệt dự án quyết định cho phép hay không cho phép dự án được thực hiện, hoặc đưa ra các biện pháp bắt buộc thực hiện để giải quyết các tồn tại về môi trường đối với các cơ sở đã đi vào hoạt động

Việc đánh giá tác động môi trường tiến hành thường xuyên đối với các cơ sở sản xuất gây nhiều ô nhiễm. Đối với các dự án lớn như trong Điều 18 Luật Bảo vệ môi trường 2005 và danh mục các lĩnh vực mà Chính phủ quy định thì phải lập báo cáo tác động môi trường một cách cụ thể. Trong đó có tác động đối với môi trường không khí khi dự án đó đi vào hoạt động . Nếu được phê duyệt thì các dự án đó mới được tiến hành trên thực tế. Điều này góp phần kiểm soát đối với những dự án mà ảnh hưởng của nó tới một vùng rộng lớn

Tuy nhiên, đối với những dự án mà nó tác động lớn đến môi trường không khí nhưng quy mô của nó chưa đến mức là những dự án lớn như quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2005 và danh mục các lĩnh vực mà Chính phủ thì hiện nay chưa

tiến hành việc đánh giá tác động môi trường . Pháp luật chưa có quy định về việc này

2.3. Hoạt động thông tin về tình hình môi trường không khí

Theo Điều 102, Điều 103, Điều 104 Luật Bảo vệ môi trường 2005, các cơ quan quản lý Nhà nước có trách nhiệm xác định khu vực bị ô nhiễm và thông báo cho nhân dân biết về chất lượng không khí trên địa bàn, diễn biến của môi trường không khí trong tương lai, dự báo về các hiện tượng ô nhiễm không khí, các sự cố môi trường không khí có thể xảy ra. Thông qua hoạt động này, không những giúp cho các tổ chức, cá nhân nắm rõ thực trạng chất lượng không khí nơi mình đang sinh sống hoặc đang tiến hành các hoạt động phát triển mà còn giúp các cơ quan quản lý Nhà nước kiểm soát được biến động của môi trường không khí; giúp cho cá nhân, tổ chức chủ động tiến hành các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm, chủ động đối phó với các sự cố môi trường có thể xảy ra.

2.4. Hoạt động khắc phục ô nhiễm không khí

Điều 93 Luật Bảo vệ môi trường 2005 quy định rõ trách nhiệm điều tra, xác định khu vực bị ô nhiễm thuộc về UBND cấp Tỉnh và Bộ tài nguyên & Môi trường. Bên cạnh đó, tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường phải tiến hành ngay các biện pháp để ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường. Quy định này đảm bảo cho việc:

□ Khắc phục sự cố môi trường một cách nhanh chóng, kịp thời và khoa học nhằm giảm tới mức tối đa những thiệt hại mà sự cố đó có thể gây ra cho môi trường không khí

□ Khắc phục kịp thời các sự cố gây suy thoái không khí sẽ ngăn ngừa được tình trạng lây lan bụi và khí thải độc hại vào không khí xung quanh. Điều đó cũng có nghĩa là tình trạng gây ô nhiễm không khí từ sự cố đó đã được kiểm soát một cách kịp thời.

Tuy nhiên, trên thực tế, do ô nhiễm không khí có đặc thù là khuếch tán rộng, vì thế xác định trách nhiệm và yêu cầu khắc phục (như bồi thường thiệt hại) là rất khó khăn

2.5. Hoạt động cải thiện chất lượng không khí

Hoạt động này bao gồm:

□ Thực hiện các biện pháp hạn chế nguồn thải gây ô nhiễm không khí hoặc các biện pháp giải toả mức độ tập trung của nguồn thải.

□ Trồng cây xanh hoặc mở rộng diện tích cây xanh, công viên, khu vui chơi, giải trí.

□ Thực hiện các biện pháp hấp thụ khí thải, làm sạch không khí hoặc các biện pháp xử lý khác.

Thực hiện tốt hoạt động cải thiện chất lượng không khí sẽ giúp cho tình trạng ô nhiễm không khí không những được kiểm soát một cách hiệu quả mà còn nâng cao được chất lượng không khí xung quanh.

Để tìm ra hướng giải pháp quản lý, cải thiện chất lượng không khí thì điều cần thiết là phải cải tạo và phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đô thị của thành phố. Trong đó ưu tiên phát triển giao thông công cộng, tăng tỷ trọng phương tiện giao thông công cộng từ 6 % lên 30% với nhiều loại hình: xe buýt, tàu điện trên cao, đồng thời tìm cách tăng tính hấp dẫn, tiện lợi như sử dụng vé từ, xây dựng lộ trình hợp lý.

Vấn đề cần quan tâm tiếp theo là giáo dục nâng cao nhận thức cho cộng đồng tham gia giao thông; giáo dục lái xe “*thân thiện*” môi trường, quản lý và dùng phương tiện cá nhân hợp lý, sử dụng nhiên liệu chất đốt phù hợp trong sinh hoạt để giảm bớt khí thải.

Đối với khu công nghiệp mới, cho đầu tư xây dựng những ngành sản xuất sạch hoặc ít phát sinh chất thải, bắt buộc thực hiện nghiêm những quy định của Luật bảo vệ môi trường; khuyến khích áp dụng công nghệ thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường; tăng cường vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp với công tác bảo vệ môi trường

Quản lý chất lượng không khí là một chương trình liên tục, lâu dài, liên quan tới cộng đồng và phải áp dụng nhiều giải pháp tổng hợp về truyền thông, cơ chế chính sách, cải tiến công nghệ, quy hoạch. Vấn đề này đòi hỏi phải huy động toàn bộ cộng đồng tham gia và phải được xem xét một cách hài hoà, gắn kết với quá trình phát triển kinh tế- xã hội

3. Pháp luật về kiểm soát nguồn gây ô nhiễm không khí

Vấn đề kiểm soát nguồn ô nhiễm không khí , chất lượng không khí là vấn đề cần quan tâm vì nó có mối liên quan mật thiết tới đời sống của mỗi cá nhân, cộng đồng , đặc biệt là ở đô thị. Để góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng cuộc sống thì vấn đề đặt ra là cần giảm thiểu ô nhiễm không khí từ nguồn thải động và nguồn thải tĩnh

3.1. Kiểm soát các nguồn thải động

Các hoạt động giao thông vận tải hiện đang là nguồn gây ô nhiễm tuy không phải là chủ yếu song đang tăng dần cùng với quá trình giao lưu và phát triển kinh tế - xã hội. Các quy định pháp luật hiện hành của nước ta về vấn đề này không nhiều, chỉ mới điều chỉnh hành vi của các tổ chức , cá nhân khi tiến hành các hoạt động giao thông vận tải nhằm giảm thiểu tiếng ồn, bụi, chì và các chất độc hại khác nhằm vào không khí xung quanh. Có thể kể đến một số quy định sau đây :

□ Các chủ phương tiện giao thông không được thải khói, bụi, khí độc quá giới hạn cho phép vào không khí (Giới hạn cho phép được quy định trong TCVN 6438-2001)

□ Các phương tiện tham gia giao thông phải đảm bảo tiêu chuẩn về khí thải, tiếng ồn. Các chủ phương tiện giao thông phải đảm bảo không được gây tiếng ồn quá giới hạn cho phép

□ Các chủ phương tiện có chạy xăng phải sử dụng xăng không pha chì theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Điều lệ trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị ban hành kèm theo Nghị định số 36/CP ngày 29/05/1995 của Chính phủ và Chỉ thị số 24/TTg ngày 23/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ

Trong Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg cũng đã quy định từ 1-7-2007 áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải tương đương với tiêu chuẩn châu Âu Euro 2 đối với xe máy sản xuất và nhập khẩu.

Đối với xe máy đang lưu hành hiện chưa thể triển khai kiểm soát khí thải vì từ khi xe máy xuất hiện đến nay, chúng ta chưa có quy định kiểm tra kỹ thuật định kỳ.

Mặt khác, với một lượng xe máy lớn như vậy nếu áp dụng hàng rào kiểm soát ngay sẽ gây ra những tác động lớn trong xã hội.

Tuy nhiên, tại điều 8 của Quyết định 249/2005/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ cũng đã giao cho Bộ Giao thông - Vận tải xây dựng đề án kiểm soát khí thải mô tô, xe máy tham gia giao thông tại các thành phố lớn trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Hiện nay, Cục Đăng kiểm VN đang tiến hành triển khai nhiệm vụ này.

3.2. Kiểm soát các nguồn thải tĩnh

Trong 2 loại nguồn thải gây ô nhiễm không khí thì đây được coi là nguồn thải chủ yếu. Chính vì vậy, các quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2005 chủ yếu tập trung điều chỉnh hành vi của các tổ chức, cá nhân có phát sinh ra khí thải từ các hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ. Khi tiến hành các hoạt động này, để

đảm bảo gây ô nhiễm không khí ở mức thấp nhất, các tổ chức, cá nhân phải tuân thủ một số nghĩa vụ cơ bản sau :

□ Thải khí trong giới hạn cho phép : Các cơ sở công nghiệp buộc phải làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường (giấy phép môi trường). Mục đích của biện pháp này là kiểm soát các chất thải khí ngay từ nguồn phát sinh thông qua việc giới hạn lượng khí thải và giới hạn nồng độ các chất độc hại có trong khí thải của các cơ sở công nghiệp. Sau khi đã có giấy phép môi trường , các cơ sở công nghiệp buộc phải tuân thủ đúng tiêu chuẩn môi trường đã được ghi trong giấy phép . Nếu vượt quá giới hạn này thì sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý theo luật định

□ Khu kinh tế , khu công nghiệp, khu chế xuất , khu công nghiệp cao , cụm công nghiệp, khu du lịch và khu vui chơi giải trí tập trung phải có hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường và phải được vận hành thường xuyên

□ Nhiệm vụ của bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường trong khu sản xuất kinh doanh dịch vụ tập trung :

- ❖ Quản lý hệ thống thu gom, tập trung và xử lý khí thải
- ❖ Tổ chức quan trắc, đánh giá hiện trạng môi trường , tổng hợp , xây dựng báo cáo môi trường và định kỳ báo cáo với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh
- ❖ Có biện pháp giảm thiểu và xử lý bụi, khí thải đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi thải ra môi trường ; không để rò rỉ phát tán khí thải, hơi khí độc hại ra môi trường xung quanh ; khống chế tiếng ồn, phát sáng, phát nhiệt, gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường xung quanh và người lao động

❖ Phải có biện pháp bảo đảm không phát tán bụi, tiếng ồn, độ rung vượt quá tiêu chuẩn cho phép khi thi công công trình xây dựng trong khu dân cư

Các tổ chức , doanh nghiệp đã thực hiện kiểm soát ô nhiễm không khí bằng việc đầu tư các trang thiết bị lọc khí trước khi thải ra môi trường .Tuy nhiên, trên thực tế, việc kiểm soát nguồn thải chưa hiệu quả. Ví dụ như các phương tiện giao thông lạc hậu xả khói đen sì, bụi bay trắng cả một vùng trời , hoặc như mùi hôi thối từ những con sông “ chết “ như sông Tô Lịch giữa lòng thành phố Hà Nội Việc cá thể hoá trách nhiệm và khắc phục hậu quả và cải thiện môi trường tiến hành như thế nào ? Hiện nay pháp luật chưa có quy định

4. Pháp luật về hệ thống cơ quan kiểm soát ô nhiễm không khí

Để thực hiện một cách đầy đủ và có hiệu quả các hoạt động kiểm soát ô nhiễm không khí , cần phải xây dựng một hệ thống cơ quan kiểm soát thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Các cơ quan này sẽ có trách nhiệm trực tiếp thực hiện hoặc tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm soát ô nhiễm không khí trên từng địa phương và trong cả nước. Hệ thống cơ quan này bao gồm :

4.1. Cơ quan có thẩm quyền chung

□ Chính phủ: Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ và Điều 121 Luật bảo vệ môi trường, Chính phủ có trách nhiệm chỉ đạo toàn bộ các hoạt động bảo vệ và kiểm soát ô nhiễm không khí trong cả nước. Một trong những hoạt động quan trọng ấy là ban hành văn bản pháp luật như: Chỉ thị số 24/2000/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc dùng xăng không pha chì; Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg về phê duyệt kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ; Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg ngày 02/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, trong đó có chương trình cải thiện chất lượng không khí ở các đô thị là một trong 36 chương trình ưu tiên

□ UBND Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương: Đây là những cơ quan thực hiện kiểm soát ô nhiễm không khí ở địa phương. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, UBND cấp tỉnh ban hành các văn bản pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí ở địa phương và chỉ đạo thực hiện các văn bản đó. Ngoài a, UBND Tỉnh còn thẩm định báo cáo ĐTM, cấp giấy phép về môi trường cho các cơ sở công nghiệp theo thẩm quyền

4.2. Cơ quan có thẩm quyền chuyên môn

Các cơ quan chuyên môn chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề thuộc về kiểm soát ô nhiễm không khí

□ Bộ Tài nguyên & Môi trường là cơ quan chịu trách nhiệm chuyên môn cao nhất và trực tiếp trước Chính phủ trong lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm không khí . Cục khí tượng thủy văn – đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên & Môi trường giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên & Môi trường thực hiện chức năng này. Năm 2006, Bộ Tài nguyên & Môi trường đã phối hợp với các địa phương tổ chức với các đoàn thanh tra, kiểm tra bảo vệ môi trường ở một số điểm nóng như lưu vực sông Nhuệ, sông Đáy và ngành sản xuất hoá chất. Kết quả thanh tra, kiểm tra 135 cơ sở cho thấy chỉ có 16 cơ sở đạt tiêu chuẩn (tiêu chuẩn Việt Nam), chiếm tỷ lệ 12%, 83 cơ sở có biện pháp giảm ô nhiễm, xử lý khí thải ...

□ Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình cũng có trách nhiệm thực hiện kiểm soát ô nhiễm. Đây là cơ quan quản lý chuyên ngành khác, song hoạt động của ngành đó lại có liên quan đến môi trường không khí như Bộ Công thương, Bộ Giao thông vận tải ... Trong thời gian qua, Bộ Giao thông vận tải đã triển khai các dự án thuộc chương trình 23 : “Cải thiện chất lượng không khí ở các đô thị” (thuộc chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia)

□ Sở Tài nguyên & Môi trường có nhiệm vụ giúp UBND Tỉnh thực hiện kiểm soát ô nhiễm tại địa phương trong lĩnh vực chuyên môn như : tiến hành các hoạt động thanh tra môi trường không khí , tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại tố cáo các văn bản pháp luật về môi trường không khí , thẩm định báo cáo ĐTM ...

Hệ thống các cơ quan bảo vệ môi trường không khí được quy định tại Điều 121, Điều 122, Điều 123 Luật Bảo vệ môi trường 2005 và một số văn bản pháp luật khác. Các cơ quan này được quy định khá đầy đủ và hệ thống. Tuy nhiên, trên thực tế, do văn bản pháp luật điều chỉnh trong lĩnh vực này còn thiếu, môi trường không khí ít được quan tâm, việc đánh giá các tác động của tiêu cực của ô nhiễm môi trường thường khó xác định cho nên hiệu quả hoạt động của các cơ quan này đôi khi còn mờ nhạt và kém hiệu quả. Hiện nay có tình trạng người dân khiếu kiện về ô nhiễm nhưng chưa được giải quyết khiến họ “không biết kêu ai “

Được biết, vừa qua lực lượng cảnh sát môi trường đã được thành lập để phối hợp cùng Bộ Tài nguyên & Môi trường xử lý các vi phạm về môi trường . Mong rằng, các cơ quan sẽ thực hiện, phối hợp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, mang lại môi trường trong lành cho đời sống nhân dân

5. Xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí

5.1. Xử lý hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực ô nhiễm không khí

□ Ô nhiễm không khí có thể phát tán rất xa rất xa từ các nguồn thải gây tác hại tới sức khỏe và môi trường trên phạm vi toàn cầu .

□ Việc đặt ra các quy định pháp luật để kiểm soát ô nhiễm không khí là rất cần thiết. Thế nhưng với đặc thù của ô nhiễm không khí: phát tán rộng, khó xác định chủ thể gây ô nhiễm tác hại cho môi trường , chất lượng cuộc sống diễn ra từ từ khó nhận biết Do đó chưa có được văn bản pháp luật cụ thể về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm không khí

□ Những văn bản pháp luật như Luật Bảo vệ môi trường mới chỉ quy định chung chung về kiểm soát bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ . Hay cụ thể hơn như trong Nghị định 81/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 do Chính phủ ban hành về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cũng chỉ có một phần nhỏ quy định xử phạt hành chính với hành vi vi phạm quy định về thải khí bụi và hành vi vi phạm các quy định không khí tại điều 11 và điều 23. Theo đó, bất kỳ tổ chức cá nhân nào có hành vi thải khí bụi vượt quá nồng độ tối đa cho phép đã được quy định trong các tiêu chuẩn thải khí sẽ phải chịu trách nhiệm hành chính ngay cả khi hành vi ấy chưa gây thiệt hại. Tùy tính chất mức độ của khí thải, khói bụi mà quy định mức phạt. Ngoài ra bên cạnh hình phạt chính (phạt tiền) pháp luật còn quy định hình phạt bổ sung và các biện pháp khác như tước quyền sử dụng giấy phép từ 90-180 ngày. Trong thời gian đó họ không được phép thải khí vào không khí (áp dụng cho các cơ sở công nghiệp)

Bên cạnh đó, các biện pháp khắc phục hậu quả cũng được đặt ra. Đây là một chế định cần thiết để đảm bảo chất lượng môi trường và chất lượng sống.

Việc xử lý vi phạm hành chính trong từng trường hợp đều được tiến hành bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền như : thanh tra viên, chánh thanh tra chuyên ngành của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các sở Tài nguyên và Môi trường ở địa phương, chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp theo trình tự thủ tục luật định.

Ngoài các hành vi vi phạm hành chính được quy định trực tiếp trong kiểm soát ô nhiễm không khí nêu trên, các tổ chức cá nhân còn có thể bị xử lý vi phạm hành chính khi thực hiện một số hành vi vi phạm hành chính khác gây ảnh hưởng xấu đến không nhỏ : hành vi không thiết lập báo cáo ĐTM, hành vi không trang bị các thiết bị xử lý chất thải theo yêu cầu (Điều 23 Nghị định 81) .

Từ những vấn đề trên, chúng ta có thể thấy thực trạng pháp luật trong lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm không khí còn rất ít, chưa có văn bản pháp luật cụ thể quy định .Những quy định trên đây cũng chỉ có tác dụng phần nào trong kiểm soát khí

thải từ những nguồn thải tĩnh. Đối với nguồn thải động chưa có văn bản nào quy định về xử phạt hành chính mà chỉ mới có Quyết định 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Về thực trạng áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm không khí : Với những đặc trưng của ô nhiễm không khí khiến cho việc áp dụng pháp luật gặp nhiều khó khăn :

- Ô nhiễm không khí có nhiều nguồn, khuếch tán rộng --> khó tìm ra chủ thể gây ô nhiễm

- Xem xét mức độ ô nhiễm không khí cần có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao để đo lường

- Việc ô nhiễm không khí xảy ra ở nhiều nơi bởi nhiều nguyên nhân gây khó khăn cho công tác quản lý, giám sát

- Các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền có nghiệp vụ thấp, thiếu trách nhiệm. Đa số những vụ việc gây ô nhiễm không khí là do người dân xung quanh nguồn ô nhiễm tố cáo

- Khi phát hiện ra nguồn gây ô nhiễm thường là đã để lại hậu quả (bệnh về đường hô hấp)

5.2. Xử lý hành vi phạm tội trong lĩnh vực ô nhiễm không khí

Trong Bộ luật Hình sự 1999, có một tội danh đối với người có hành vi phạm tội trong lĩnh vực kiểm soát ô nhiễm không khí . Đó là tội gây ô nhiễm không khí (Điều 182)

Theo quy định tại điều luật này, có 2 hành vi vi phạm sẽ bị trừng phạt. Đó là:

- Hành vi thải vào không khí các chất gây ô nhiễm và độc hại đối với con người và sinh vật

- Hành vi phát bức xạ, phóng xạ quá giới hạn cho phép vào môi trường xung quanh

Người thực hiện các hành vi nêu trên sẽ bị trừng phạt nếu thải các chất độc hại quá giới hạn cho phép được quy định tại các tiêu chuẩn về môi trường , sau khi đã bị xử lý vi phạm hành chính mà cố tình không thực hiện các biện pháp khắc phục theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, gây hậu quả nghiêm trọng . Đây là tội danh mới được xây dựng nhằm mục đích trừng phạt và răn đe những cá nhân thải quá nhiều chất gây ô nhiễm, gây hậu quả nghiêm trọng, đe dọa trực tiếp sức khỏe, tính mạng của con người cũng như các hệ động thực vật khác.

Tuy nhiên, việc thực thi điều luật này trên thực tế gặp khó khăn do việc xác định đúng chủ thể thực hiện hành vi quả không dễ

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

Từ thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng trên thực tế như trên, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả của việc kiểm soát ô nhiễm không khí ở nước ta hiện nay như sau:

1. *Cần có một luật không khí sạch*

Luật này sẽ khắc phục việc các quy định về kiểm soát ô nhiễm không khí đang được quy định rải rác ở rất nhiều các văn bản

2. *Tiêu chuẩn không khí cần xem xét và điều chỉnh để phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng*

3. *Hệ thống cơ quan quản lý môi trường*

Cần phân định rõ thẩm quyền giải quyết các khiếu nại về môi trường nói chung và môi trường không khí nói riêng

4. *Về kiểm soát nguồn gây ô nhiễm*

Trên thế giới, một số nước áp dụng việc đánh phí môi trường đối với người sử dụng các phương tiện giao thông vận tải thông qua giá xăng như ở Thái Lan, Đài Loan ... Ở Việt Nam đang xem xét và mong rằng sẽ sớm đưa vào áp dụng

Tiêu chuẩn thải khí đối với các phương tiện giao thông vận tải trên thế giới đang áp dụng là tiêu chuẩn O3, trong khi đó ở Việt Nam mới áp dụng trên một diện nhỏ tiêu chuẩn O2. Vì vậy, cần sớm áp dụng một cách thống nhất tiêu chuẩn O2, tiến tới nâng cao hơn nữa

5. *Hoàn thiện các chế tài về xử lý vi phạm pháp luật môi trường*

Trong xử lý hành chính, cần nâng mức phạt tiền đủ để răn đe các cá nhân, tổ chức vi phạm

6. *Khuyến khích người dân sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường ; khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng các công nghệ tiên tiến để làm sạch không khí*

Thực hiện bằng cách đưa ra các chính sách ưu đãi phù hợp đối với những cá nhân, doanh nghiệp như khen thưởng, giảm thuế ... nếu họ thực hiện tốt

7. *Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về kiểm soát ô nhiễm không khí*

Điều đó giúp chúng ta có thể tiếp cận những công nghệ tiên tiến nhất về xử lý khí thải trên thế giới hiện nay. Hơn nữa còn được hỗ trợ tài chính để bảo vệ môi trường không khí

KẾT LUẬN

Tóm lại, trách nhiệm kiểm soát ô nhiễm không khí để bảo vệ môi trường nói chung không chỉ của riêng các cơ quan Nhà nước , các doanh nghiệp sản xuất gây ô nhiễm mà còn là trách nhiệm của toàn dân. Đó cũng không chỉ là trách nhiệm của Việt Nam mà còn là của các nước trong khu vực và thế giới. Nỗ lực chung đó nhằm bảo vệ sự sống của chính chúng ta, tạo một môi trường sống an toàn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
KHÁI QUÁT CHUNG.....	2
1. Khái niệm không khí và ô nhiễm không khí.....	2
2. Hiện trạng ô nhiễm không khí ở Việt Nam.....	2
<i>2.1. Ô nhiễm bụi.....</i>	<i>3</i>
<i>2.2. Ô nhiễm khí.....</i>	<i>3</i>
<i>2.3. Ô nhiễm mùi.....</i>	<i>4</i>
<i>2.4. Ô nhiễm tiếng ồn.....</i>	<i>4</i>
3. Nguyên nhân của ô nhiễm không khí.....	5
<i>3.1. Nguồn gốc tự nhiên.....</i>	<i>5</i>
<i>3.2. Nguồn gốc nhân tạo.....</i>	<i>5</i>
NỘI DUNG PHÁP LUẬT VỀ KIỂM SOÁT Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ.....	7
1. Pháp luật về hệ thống tiêu chuẩn môi trường không khí.....	7

2. Pháp luật về phòng chống, khắc phục ô nhiễm không khí, cải thiện chất lượng không khí.....	10
<i>2.1. Hoạt động quan trắc và định kỳ đánh giá hiện trạng môi trường không khí của các cơ quan Nhà nước.....</i>	<i>11</i>
<i>2.2. Hoạt động ĐTM.....</i>	<i>12</i>
<i>2.3. Hoạt động thông tin về tình hình môi trường không khí.....</i>	<i>13</i>
<i>2.4. Hoạt động khắc phục ô nhiễm không khí.....</i>	<i>14</i>
<i>2.5. Hoạt động cải thiện chất lượng không khí.....</i>	<i>14</i>
3. Pháp luật về kiểm soát nguồn gây ô nhiễm không khí.....	15
<i>3.1. Kiểm soát các nguồn thải động.....</i>	<i>15</i>
<i>3.2. Kiểm soát các nguồn thải tĩnh.....</i>	<i>17</i>
4. Pháp luật về hệ thống cơ quan kiểm soát ô nhiễm không khí.....	18
<i>4.1. Cơ quan có thẩm quyền chung.....</i>	<i>18</i>
<i>4.2. Cơ quan có thẩm quyền chuyên môn.....</i>	<i>19</i>
5. Xử lý vi phạm pháp luật về kiểm soát ô nhiễm không khí.....	20
<i>5.1. Xử lý hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực ô nhiễm không khí.....</i>	<i>20</i>
<i>5.2. Xử lý hành vi phạm tội trong lĩnh vực ô nhiễm không khí.....</i>	<i>22</i>
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN.....	24
KẾT LUẬN.....	26